

Bản án số: 283/2024/HNGĐ-
ST

Ngày: 28-9-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- *Duẩn phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ma Trọng Hưng;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 196/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Sầm Văn D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Sầm Văn D qua tìm hiểu, đến năm 2012 tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị L và anh D chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh D tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến

năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống và cách sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Chị Phạm Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sầm Văn D.

- Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Sầm Văn D có 02 con chung là Sầm Văn L1, sinh ngày 26/02/2013 và Sầm Thị Trúc M, sinh ngày 27/5/2015. Nay ly hôn chị Phạm Thị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Sầm Văn D đến Tòa án để giải quyết việc chị Phạm Thị L yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng anh D đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với các nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị L. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh D vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Sầm Văn V (bố đẻ của anh Sầm Văn D) thì anh D và chị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán cho anh D và chị L. Sau khi cưới thì anh D và chị L sống cùng gia đình ông V tại thôn N, xã T được một thời gian thì vợ chồng anh D và chị L ra ở riêng. Quá trình chung sống thì vợ chồng chung sống bình thường, sau khi vợ chồng ra ở riêng phát sinh mâu thuẫn thì ông không biết. Chị L và anh D đều đi làm ăn ngoài địa phương, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình, địa chỉ cụ thể thì ông không biết nên không thể cung cấp được cho Tòa án.

Ý kiến trình bày của con chung trên 07 tuổi: Tại biên bản ghi ý kiến của con chung cháu Sầm Văn L1, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Sầm Thị Trúc M, sinh ngày 27/5/2015 trình bày nguyện vọng muốn được mẹ là Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng khi chị L và anh D ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Phạm Thị L; cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Sầm Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Sầm Văn L1, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Sầm Thị Trúc M, sinh ngày 27/5/2015 cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Sầm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Phạm Thị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Sầm Văn D; anh Sầm Văn D đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Sầm Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Sầm Văn D có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 02/07/2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Sầm Văn D cùng chung sống tại thôn N, xã T, huyện C. Theo như chị L trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, anh D không đến Tòa án tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải không có thiện chí để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, xử cho chị Phạm Thị L

được ly hôn với anh Sầm Văn D.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung là Sầm Văn L1, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Sầm Thị Trúc M, sinh ngày 27/5/2015. Ly hôn chị Phạm Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh Sầm Văn D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Sầm Văn D nhưng anh D không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày về nguyện vọng đối với con chung, anh D thường xuyên vắng mặt tại địa phương, nguyện vọng của cháu L1 và cháu M là được sống với chị Phạm Thị L. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Sầm Văn L1, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Sầm Thị Trúc M, sinh ngày 27/5/2015 cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Anh Sầm Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Phạm Thị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Sầm Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Phạm Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Sầm Văn D (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48 ngày 02/7/2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Giao cháu Sầm Văn L1, sinh ngày 26/02/2013 và cháu Sầm

Thị Trúc M, sinh ngày 27/5/2015 cho chị Phạm Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Sầm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001509090 ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Công ty Cổ phần T và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000575 ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Anh Sầm Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Huệ